TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/DS-ST
Ngày 30-01-2026
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng: Ông Trần Huỳnh Đức Hưng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 477/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Đức L – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý KHCN. Người đại diện theo ủy quyền lại là ông Lê Văn T và ông Đỗ Thành Đ. Cùng địa chỉ: Tầng D, tòa nhà A P, phường H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 071703/08-2025-KHCN ngày 22/08/2025). Ông Đ có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1958. Địa chỉ: Thôn G, xã B, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt: V1), ông Đỗ Thành Đ trình bày:

Ngày 14/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị M ký kết Hợp đồng cho vay số: LD 2228701819, thông tin cụ thể như sau:

Số tiền vay: 85.000.000 đồng (T1 mươi lăm triệu đồng); Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn là 35%/năm, được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% nhân với lãi suất trong hạn;

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 13/07/2024 đối với V1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Hiện tại, V1 cam kết chưa bán khoản vay của bà Nguyễn Thị M cho bất kì công ty nào. Vì bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận thanh toán với V1, vì vậy V1 khởi kiện và đề nghị Tòa án tuyên trong bản án các nội dung sau:

Buộc bà Nguyễn Thị M thanh toán cho V1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/08/2025, bà Nguyễn Thị M còn nợ V1 tổng số tiền là: Nợ gốc : 73.206.064 đồng; Nợ lãi : 56.094.654 đồng; Tổng cộng : 129.300.718 đồng; V1 được tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế bà Nguyễn Thị M thanh toán hết nợ cho V1. Trường hợp không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản của bà Nguyễn Thị M để thu hồi nợ cho V1. Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M thanh toán tiền vay cho Ngân hàng tính đến ngày 30/01/2026 với tổng số tiền: 145.973.342 đồng. Trong đó, nợ gốc: 73.206.064 đồng, nợ lãi: 72.767.278 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà M vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị M không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa bà M vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt bà M.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, phát biểu của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị M theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà M vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn bà M vắng mặt lần thứ hai được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ,

chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: Thôn T, xã B, thành phố Đà Nẵng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M thanh toán tiền vay cho Ngân hàng tính đến ngày 30/01/2026 với tổng số tiền: 145.973.342 đồng. Trong đó, nợ gốc: 73.206.064 đồng, nợ lãi: 72.767.278 đồng (lãi trong hạn từ ngày 14/12/2022 đến ngày 12/07/2024 là 20.022.152 đồng; lãi quá hạn từ ngày 13/07/2024 đến 30/01/2026 là 52.745.126 đồng).

Ngày 14/10/2022 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị M có ký Hợp đồng cấp tín dụng số: LD2228701819 theo đó: Số tiền vay là: 85.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng, mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm, lãi suất cho vay trọng hạn là 35%/năm được cố định trong suốt thời hạn cho vay; Lãi suất chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% nhân với lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, bà Nguyễn Thị M đã thanh toán được số tiền nợ gốc là: 11.793.936 đồng, tiền lãi: 25.603.107 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 13/07/2024, bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, bà Nguyễn Thị M vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như cam kết như trong các hợp đồng tín dụng. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 7.298.667 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Điều 463, 464, 465 Bộ luật dân sự.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 30/01/2026 với tổng số tiền là: 145.973.342 đồng. Trong đó, nợ gốc: 73.206.064 đồng, nợ lãi: 72.767.278 đồng.

2. Kể từ ngày 31/01/2026 bà Nguyễn Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng số: LD2228701819 ngày 14/10/2022 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 7.298.667 đồng bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP V đã nộp là: 3.232.517 đồng theo biên lai thu số 0006258 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng;*
- *Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng*
- *Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG THANH PHÚC